

Bản án số: 02/2020/HS-ST

Ngày 08-01-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N**  
**TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Mạnh Huân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Quàng Văn Trường và ông Thùng Văn Liên

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lò Văn Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:** Ông Lê Thành Công, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

**Sùng A T**, sinh năm 1985, tại huyện M, tỉnh Yên Bái.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản N 3, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: Lớp 5/12.

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Sùng Dưa V, sinh năm 1958

Con bà: Giàng Thị S, sinh năm 1960.

Bị cáo có vợ Giàng Thị S (đã ly hôn), sinh năm 1986; vợ Chá Thị N, sinh năm 1998 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/7/2019, có mặt.

\* **Người bào chữa cho bị cáo Sùng A T:** Ông Phùng Việt H, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Giàng A T, sinh năm 1978, địa chỉ bản N 2, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, xin xét xử vắng mặt.

\* **Người có nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Thào A C, Phó Chủ tịch UBND xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Ông Trần Đức Q, chức vụ Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm Lâm huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:** Khoảng đầu năm 2013, Sùng A T thỏa thuận theo lý người Mông với ông Thào A D ở bản N 2, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên. Theo đó Sùng A T khai thác cây gỗ trên nương của ông D và T đưa cho ông D 3.000.000 đồng. Đến tháng 02 năm 2019, bị cáo viết đơn xin chính quyền địa phương và nhân dân bản N 2, xã N để khai thác cây gỗ đó về làm nhà. Căn cứ theo đơn của Sùng A T, Phó chủ tịch UBND xã N, huyện N Thào A C đã ký chuyển cấp trên xem xét giải quyết. Sùng A T không chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền mà tự ý đi khai thác cây gỗ nói trên. Khoảng giữa tháng 3 năm 2019, bị cáo đến nhà Giàng A T, sinh năm 1978, địa chỉ bản N 2, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên để mượn cưa máy. Mượn được cưa, bị cáo đi đến khu rừng của bản N 2, xã N một mình cưa hạ cây gỗ. Sau khi hạ đổ cây, bị cáo cắt thành 05 khúc, mỗi khúc dài 3 mét rồi xẻ thành hộp, thanh, tấm trong vòng 04 ngày thì xong. Bốn ngày sau Sùng A T nhờ Tráng A G, Giàng A K, Tráng A P cùng ở bản N 2 khênh số gỗ đã xẻ lên xe ô tô chở về nhà bị cáo. Ngày 08/4/2019, cán bộ Hạt Kiểm lâm huyện N đến kiểm tra, phát hiện số gỗ bị cáo Sùng A T khai thác đang cất giấu tại nhà bị cáo. Cán bộ Hạt Kiểm lâm huyện N đã lập biên bản về hành vi cất giữ lâm sản trái phép đối với Sùng A T.

Tại bản Kết luận giám định số 165/CNR-TH ngày 09/5/2019 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng đã kết luận: Mẫu vật gỗ trích từ vật chứng thu giữ của Sùng A T là gỗ có tên Việt Nam là Gai nang Trung Quốc (Tên khoa học là *Sloanea sinensis* (hance) Hu), nhóm VI không có tên trong danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp quý hiếm ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 12/01/2019 của Chính phủ.

Cáo trạng số 01/CT-VKSNP ngày 04/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Sùng A T về tội “Vi phạm quy định khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm d khoản 2 Điều 232/BLHS năm 2015.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp điểm d khoản 2 Điều 232; Điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Sùng A T từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo về tội Vi phạm quy định khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng.

Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí HSST cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và các tình tiết khác để áp dụng hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và không áp dụng hình phạt bổ sung cũng như miễn án phí HSST cho bị cáo Sùng A T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:**

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 15 giờ 00 phút ngày 25/4/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N xác định tại tiểu khu 320 khoảnh 4 lô D khu vực rừng thuộc bản N 2, xã N, huyện N có một gốc cây bị chặt bằng cưa máy. Tại vị trí cưa cách mặt đất 2,1 mét, đường kính 2,1 mét.

Bảng kê lâm sản tại bút lục 69, 70 thể hiện 28 thanh, tấm, hộp gỗ xẻ tên phổ thông là nghiến đất có khối lượng 11, 609 m<sup>3</sup> và 19 lóng, khúc, khối lượng 1,021 m<sup>3</sup>

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Sùng A T có tội. Bị cáo đã tự ý khai thác lâm sản là cây gỗ trên rừng phòng hộ thuộc địa phận xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên. Khi khai thác gỗ, bị cáo không được sự nhất trí của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền do vậy hành vi của bị cáo xâm phạm các quy định của nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

Các chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội "Vi phạm quy định khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" được quy định tại Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sùng A T có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[2] Về tính chất mức độ phạm tội: Bị cáo Sùng A T đã khai thác trái phép cây gỗ Gai nang Trung Quốc (Tên khoa học là *Sloanea sinensis* (hance) Hu), nhóm VI, thực vật thông thường; khối lượng 12,63 m<sup>3</sup>. Bị cáo đã cắt, xẻ thành các thanh, tấm, hộp có khối lượng 11,609 m<sup>3</sup>. Khối lượng này được quy tròn để làm căn cứ truy tố bị cáo theo công thức tại Nghị định 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ là nhân với hệ số 1,6. Tổng khối lượng gỗ bị cáo đã khai thác trái phép như sau:

$$(11,609 \text{ m}^3 \times 1,6) + 1,021 \text{ m}^3 = 19,595 \text{ m}^3.$$

Khối lượng gỗ bị cáo khai thác trái phép ở trong khoảng từ 15 m<sup>3</sup> đến dưới 30 m<sup>3</sup> gỗ loài thực vật thông thường thì tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Vi phạm quy định khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 02 đến 07 năm tù.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Sùng A T là người dân tộc Mông sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, mặc dù chính quyền địa phương cũng như các ban ngành đoàn thể ở xã, bản đã tuyên truyền về chính sách phát triển, bảo vệ rừng phòng hộ nhưng do bị cáo nhận thức không đầy đủ nên để có gỗ làm nhà phục vụ cho nhu cầu của cuộc sống bị cáo đã cố tình phạm tội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối chiếu các quy định tại khoản 1 của Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra bị cáo đã cung cấp thông tin cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N phát hiện tội phạm. Công an huyện N xác nhận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Sùng A T đang ở với mẹ già, các con còn nhỏ, vợ bị cáo đang mang thai. Bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương. Nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và các tình tiết khác để áp dụng hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và không áp dụng hình phạt bổ sung cũng như miễn án phí HSST cho bị cáo Sùng A T. Đề nghị của Luật sư Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, trước khi phạm tội bị cáo chấp hành tốt chính sách của Đảng và Nhà nước. Không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đối chiếu theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo Sùng A T có đủ điều kiện được hưởng án treo. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách để tạo điều kiện cho bị cáo nhận thức, sửa chữa lỗi lầm, làm ăn chân chính.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 232 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Sùng A T.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về vật chứng: Vật chứng của vụ án là 19 lóng, khúc gỗ tròn, khối lượng 1,021 m<sup>3</sup>; 28 thanh, tấm, hộp gỗ xẻ khối lượng 11,609 m<sup>3</sup>. Gỗ gai nang Trung Quốc, tên khoa học Sloanea sinensis (hance) Hu. Vật chứng này sẽ bị tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

Vật chứng là một chiếc máy cưa xăng cầm tay đã qua sử dụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định vật chứng này thuộc quyền sở hữu của anh Giàng A T, sinh năm 1978, địa chỉ bản N 2, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên. Khi bị cáo mượn chiếc cưa cầm tay, anh T không biết được mục đích, hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử trả lại chiếc cưa xăng cầm tay cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Sùng A T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 08/01/2020. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính.

[11] Các vấn đề khác: Đối với Tráng A G, Giàng A K, Tráng A P cùng ở bản N 2, xã N, huyện N đã cùng bị cáo vận chuyển gỗ lên xe về nhà. Các đối tượng này không tham gia khai thác gỗ cùng bị cáo mà chỉ thực hiện theo đề nghị giúp đỡ khiêng, vận chuyển gỗ của bị cáo do vậy hành vi của các đối tượng trên không cấu thành tội phạm. Hội đồng xét xử không xem xét.

**Vì các lẽ trên,**

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 232; Điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

**1. Tuyên bố:** Bị cáo **Sùng A T** phạm tội "**Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản**".

**2. Hình phạt:** Xử phạt bị cáo **Sùng A T 24** (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **48** (bốn mươi tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án, ngày 08/01/2020.

Giao bị cáo **Sùng A T** cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

**3. Xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 19 lóng, khúc gỗ tròn, khối lượng 1,021 m<sup>3</sup>; 28 thanh, tấm, hộp gỗ xẻ khối lượng 11,609 m<sup>3</sup>. Gỗ Gai nang Trung Quốc, tên khoa học *Sloanea sinensis* (hance) Hu. Gỗ có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng hồi 10 giờ 00 phút ngày 04/12/2019 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- Trả lại cho anh Giàng A T, sinh năm 1978, địa chỉ bản N 2, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên một chiếc máy cưa xăng cầm tay đã qua sử dụng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng hồi 10 giờ 00 phút ngày 04/12/2019 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

**5. Án phí:** Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

**6. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo **Sùng A T** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 08/01/2020. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính.

**Nơi nhận:**  
- TAND tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo, người bào chữa;
- Lưu.

**Nguyễn Mạnh Huấn**